

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 23/2024/KDTM-ST

Ngày: 24/5/2024

Về việc “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân

2. Ông Lại Hữu Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Văn Long – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 97/2023/TLST-KDTM ngày 31/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2024/QĐST-KDTM ngày 25/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại S

Trụ sở: phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Bá T - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nam T, sinh năm 1984 – Có mặt

Địa chỉ: phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Quốc tế T

Đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Quốc V - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại S có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Nam Trung trình bày:

Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại S (Sau đây gọi tắt là “Công ty S”) và Công ty TNHH Quốc tế T (Sau đây gọi tắt là “Công ty T”) đã ký Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 010504/SMC/PKD/HĐ /2021 ngày 05/04/2021 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”). Theo Hợp đồng, Công ty T chấp thuận cho Công ty S cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình:

- Nhà xưởng - Đường Trịnh Quang Nghi, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giá trị hợp lý tính toán toàn bộ theo khối lượng cung cấp bê tông thực tế,
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tổng hợp khối lượng.

Thực hiện Hợp đồng, từ ngày 07/04/2021 đến ngày 23/04/2022, Công ty S đã cung cấp bê tông cho Công ty T với tổng giá trị là 1.100.942.249 đồng. Hai bên đã tổng hợp khối lượng và Công ty S đã xuất khẩu cho Công ty T chín hóa đơn giá trị gia tăng bao gồm:

- Số 0002003 ngày 06/05/2021 số tiền 95.850.000 đồng;
- Số 0002685 ngày 05/06/2021 số tiền 107.170.000 đồng;
- Số 0003476 ngày 08/09/2021 số tiền 147.275.000 đồng;
- Số 0004875 ngày 18/11/2021 số tiền 108.300.000 đồng;
- Số 0005587 ngày 08/12/2021 số tiền 282.000.000 đồng;
- Số 0007044 ngày 28/01/2022 số tiền 61.530.000 đồng;
- Số 0000701 ngày 28/02/2022 số tiền 169.903.614 đồng;
- Số 0007594 ngày 31/03/2022 số tiền 14.923.635 đồng;
- Số 1725 ngày 30/07/2022 số tiền 113.990.000 đồng.

Từ ngày 06/10/2021 đến ngày 04/04/2022, Công ty T đã thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 703.020.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 06/10/2021 thanh toán 203.020.000 đồng của hóa đơn số 0002003, 0002685;
- Ngày 03/12/2021 thanh toán 200.000.000 đồng của đơn số 0003476, một phần hóa đơn số 0004875. Còn nợ lại hóa đơn số 0004875 số tiền 55.575.000 đồng;
- Ngày 28/01/2022 thanh toán 100.000.000 đồng hết nợ của đơn số 0004875, một phần hóa đơn số 0005587. Còn nợ lại hóa đơn số 0005587 số tiền 237.575.000 đồng

- Ngày 28/02/2022 thanh toán 100.000.000 đồng hết nợ của hóa đơn số 0007044, một phần nợ của hóa đơn số 0005587. Còn nợ hóa đơn số 0005587 số tiền 199.105.000 đồng.

- Ngày 04/04/2022 thanh toán 100.000.000 đồng hết nợ hóa đơn số 0007594, một phần nợ hóa đơn số 0000701. Còn nợ hóa đơn số 0000701 số tiền 84.827.249 đồng,

Công ty T còn nợ Công ty S số tiền là 397.922.249 đồng của một phần hóa đơn số 0005587 số tiền 199.105.000 đồng, một phần hóa đơn số 0000701 số tiền 84.827.249 đồng, toàn bộ hóa đơn số 1725 số tiền 113.990.000 đồng.

Công ty S đã gửi cho Công ty T các Đề nghị thanh toán số 555/SMC/PCN/CV/2022 ngày 20/09/2022, đề nghị thanh toán số 665/SMC/PCN/CV/2022 ngày 25/10/2022 nhưng chưa nhận được thanh toán hay phản hồi nào.

Do ngày cung cấp bê tông sau cùng là 23/04/2022, ngày tổng hợp khối lượng và xuất hóa đơn sau cùng là 30/07/2022 nên thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 30/08/2022. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty S có quyền yêu cầu Công ty T, ngoài việc phải thanh toán ngay khoản nợ quá hạn còn phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Nay Công ty S khởi kiện Công ty T để yêu cầu:

1. Công ty T phải thanh toán ngay cho Công ty S số tiền còn nợ là 397.922.249 đồng.

2. Công ty T phải thanh toán ngay cho Công ty S khoản tiền lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 01/09/2022 đến ngày 22/11/2023 theo lãi suất chậm trả 13,5%/năm, 0,036%/ngày là 64.033.648 đồng,

Tổng số tiền mà Công ty S yêu cầu Công ty T phải thanh toán ngay tính đến ngày 22/11/2023 là 461.955.897 đồng.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nam Trung trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu :

1. Công ty T phải thanh toán ngay cho Công ty S số tiền còn nợ là 397.922.249 đồng.

2. Công ty T phải thanh toán ngay cho Công ty S khoản tiền lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 01/09/2022 đến ngày 24/5/2024 theo lãi suất chậm trả 13,5%/năm, 0,036%/ngày là 92.868.512 đồng. Tổng số tiền mà Công ty S yêu cầu Công ty T phải thanh toán ngay tính đến ngày 24/5/2024 là 490.790.761 đồng

Đối với bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T có đại diện theo pháp luật là ông Lâm Quốc V. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho Công ty TNHH Quốc tế T thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng Công ty TNHH Quốc tế T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của nguyên đơn Công ty S là có cơ sở. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty S tại Gòn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Skhởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T phải thanh toán tiền mua hàng hóa là các vật tư, nguyên liệu, hóa chất dùng trong sản xuất kinh doanh và bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T có trụ sở tại đại chi: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về pháp luật áp dụng: Do Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên được ký kết vào ngày 05/4/2021 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật thương mại năm 2005 để giải quyết.

[3]- Về sự vắng mặt của các đương sự:

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Trung Nam có mặt; Bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T có đại diện theo pháp luật là ông Lâm Quốc V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Quốc tế T và ông Lâm Quốc Vinh.

[4]- Về tính pháp lý của hợp đồng:

[4.1] Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên được ký kết vào ngày 05/4/2021 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 470104/SMC/KD/PLHĐ/2022 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên ký kết vào ngày 01/4/2022 có nội dung và hình thức phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật thương mại nên có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực. Theo quy định tại Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *“Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, ... Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Hợp đồng chỉ có thể bị sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên được ký kết vào ngày 05/4/2021 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 470104/SMC/KD/PLHĐ/2022 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên ký kết vào ngày 01/4/2022 trên đây là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết và là căn cứ để Tòa án giải quyết tranh chấp.

[4.2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngày 28/02/2013 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH Quốc tế T có đại diện theo pháp luật là ông Lâm Quốc Vinh.

[4.3] Căn cứ vào Công văn số : 53/ĐKKD-T6 ngày 02/01/2024 của Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay *“Công ty TNHH Quốc tế T chưa đăng ký giải thể”*.

[5]- Về yêu cầu của đương sự:

[5.1] Về tiền nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên được ký kết vào ngày 05/4/2021 thể hiện Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Scó bán cho Công ty TNHH Quốc tế T các loại hàng hóa là các vật tư, nguyên liệu, hóa chất dùng trong sản xuất kinh doanh (đính kèm Phụ lục hợp đồng kinh tế số 470104/SMC/KD/PLHĐ/2022 ngày 01/4/2024 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm kê chi tiết hàng hóa, đơn đặt hàng, đơn giá..) cùng 09 hóa đơn Giá trị gia tăng của Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại S(bao gồm: Số 0002003 ngày 06/05/2021, số 0002685 ngày 05/06/2021, số 0003476 ngày 08/09/2021, số 0004875 ngày 18/11/2021, số 0005587 ngày 08/12/2021, số 0007044 ngày 28/01/2022 , số 0000701 ngày 28/02/2022, số 0007594 ngày 31/03/2022, số 1725 ngày 30/07/2022) thể hiện Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại S đã thực hiện việc giao đúng số lượng và chủng loại hàng hóa cũng như đơn giá mà hai bên đã ký kết cho Công ty TNHH Quốc tế T. Có căn cứ xác định từ ngày 07/04/2021 đến ngày 23/04/2022, Công ty S đã cung cấp bê tông cho Công ty T với tổng giá trị là 1.100.942.249 đồng.

Căn cứ vào 05 Giấy báo có ngày 06/10/2021 (của ngân hàng BIDV), ngày 03/12/2021, ngày 28/01/2022, ngày 28/02/2022, ngày 04/4/2022 (của ngân hàng ACB-CN Chợ Lớn) đã thể hiện Công ty TNHH Quốc tế T đã thanh toán cho Công ty S là 703.020.000 đồng. Công ty TNHH Quốc tế T còn nợ Công ty Cổ phần sản xuất -

Thương mại Số tiền mua hàng là 397.922.249 (ba trăm chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi chín) đồng. Vì vậy, Công ty TNHH Quốc tế T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các mặt hàng mà mình đã mua của Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Sài Gòn.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình chánh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 297 Luật thương mại năm 2005 và khoản 1 Điều III Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 ngày 05/4/2021: *“Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị beton cho Bên B trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tổng hợp khối lượng”* vì vậy yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T phải có trách nhiệm thanh toán tiền hàng còn nợ là 397.922.249 (ba trăm chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi chín) đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất quá hạn do vi phạm thời hạn thanh toán:

Tại khoản 2 Điều III của Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 về việc: Mua bán bê tông thương phẩm giữa hai bên được ký kết vào ngày 05/4/2021 này quy định: *“Nếu Bên A thanh toán chậm so với quy định trên, Bên A sẽ thanh toán thêm cho Bên B khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng (Ngân hàng theo tài khoản của Bên B) trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 07 (bảy) ngày. Nếu Bên A không thực hiện đúng những điều khoản trên, Bên B được quyền ngưng cung cấp Beton. Bên A có trách nhiệm thanh toán đủ nợ gốc và lãi cho Bên B đối với số nợ tồn đọng”*.

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số: 010504/SMC/PKD/HĐ/2021 ngày 05/4/2021 thì Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Số tài khoản là: 31110000025559, Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Tây Sài Gòn. Vì vậy, khoản phạt chậm trả sẽ theo lãi suất vay của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Tây Sài Gòn

Tại Điều 306 Luật thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Căn cứ vào Công văn số 22/2024/CV-CNBC ngày 09/4/2024 của Ngân hàng TMCP SThương Tín, lãi suất cho vay trung dài hạn doanh nghiệp là 12,5%/năm , lãi suất nợ quá hạn là 18,5%/năm.

Căn cứ vào Công văn số 366/2024/CCTT-TSG-KT ngày 02/4/2024 của Ngân hàng TMCP Ngoại THương Việt Nam, lãi suất cho từ 12 đến 60 tháng là 9 %/năm , lãi suất nợ quá hạn là 13,5%/năm.

Căn cứ vào Công văn số 381/NHNoNTPHCM-KHDN ngày 08/4/2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, lãi suất cho vay trong hạn là 9,6,%/năm , lãi suất nợ quá hạn là 14,4%/năm.

Vậy lãi suất nợ quá hạn trung trên thị trường là 15,5%/năm.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình chánh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 01/09/2022 đến ngày 24/5/2024 theo lãi suất chậm trả 13,5%/năm, 0,036%/ngày là 92.868.512 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ triệu tập bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T và người đại diện theo pháp luật là ông Lâm Quốc Vđen trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không có mặt, không đưa ra tài liệu chứng cứ gì thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Syêu cầu Công ty TNHH Quốc tế T thanh toán các khoản tiền như sau: Tổng số tiền thanh toán = Tiền mua hàng + Tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/5/2024 là 490.790.761 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6]- Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Sđược Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 và Điều 401, Điều 418 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 301, Điều 306 Luật thương mại 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Sài Gòn.

1.1. Buộc Công ty TNHH Quốc tế T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/5/2024 là 490.790.761 (Bốn trăm chín mươi triệu, bảy trăm chín mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi mốt) đồng. (Trong đó nợ gốc là 397.922.249 (ba trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi chín) đồng, nợ tiền lãi là 92.868.512 (chín mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm mười hai) đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH Quốc tế T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 397.922.249 (ba trăm chín mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi chín), theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Quốc tế T phải chịu số tiền là 23.631.630 (hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần sản xuất - Thương mại Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.912.504 (Mười triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm linh bốn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020621 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Toàn